

Bản án số: 157/2024/DS-ST
Ngày 18-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

Bà Phạm Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2024 “Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: số B L, Phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc T - Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V “có mặt”.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 9 năm 2024).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị V, sinh năm: 1958 “có mặt”.

Địa chỉ: Số G, ấp N, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trương Phước H, sinh năm: 1958 “có mặt”.

Địa chỉ: Số G, ấp N, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 07/3/2011 Ngân hàng N (A) thông qua Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V đã ký kết hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD với bà Trần Thị V. Theo hợp đồng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V cho bà Trần Thị V vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 18%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà V nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Vào ngày 07/12/2018 Ngân hàng Nông nghiệp và N Chi nhánh thị xã V đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 với bà Trần Thị V. Theo hợp đồng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V cho bà Trần Thị V 1 tiền GEFIELD "NHẬN_NỢ_TRỘN_THU" 200.000.000 mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 10,5% thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà V nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Các hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 1LD28052/HĐTC25/11/2008 Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC07/12/2018 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 1LD28052/HĐTC25/11/2008 Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 02/HĐSĐBS ngày 07/12/2018

Sau khi vay tiền thì bà Trần Thị V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD thì vào ngày 07/12/2018 bà Trần Thị V có trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và chưa trả tiền lãi; đối với hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 thì bà V chưa trả tiền lãi và gốc.

Tính đến hết ngày 18/9/2024 bà Trần Thị V 2 ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi là 537.178.428 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh của 02 hợp đồng là 337.178.428 đồng). Do số tiền vay của Ngân hàng là nợ chung của bà V và chồng bà V là ông Trương Phước H, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà V và ông H cùng liên đới có nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị V và ông Trương Phước H cùng liên đới có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và tiền lãi đến ngày 18/9/2024 là 537.178.428 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi bà V và ông H trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng, Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Trần Thị V trình bày:

Vào ngày 07/3/2011 bà Trần Thị V có hợp đồng vay của Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 18%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi

ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà V nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Vào ngày 07/12/2018 bà Trần Thị V có hợp đồng vay của Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 10,5% thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà V nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Các hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 1LD28052/HĐTCIELD "NGÀY_KÝ" 25/11/2008 Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC07/12/2018 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 1LD28052/HĐTC25/11/2008 Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 02/HĐSĐBS ngày 07/12/2018

Số tiền vay này bà V vay về để gia đình nuôi tôm, nên đây là nợ chung của bà V và chồng bà V là ông Trương Phước H. Sau khi vay tiền thì do làm ăn thất bại, nên bà V và ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, bà V thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, bà V thống nhất cùng với ông H hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 537.178.428 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi bà V và ông H trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Nhưng do làm ăn thất bại nên bà V xin trả dần, khi nào bà V và ông H có tiền thì trả.

* Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Phước H trình bày:

Ông H không có trực tiếp vay tiền và ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V, nhưng số tiền 200.000.000 đồng bà Trần Thị V vay của Ngân hàng là để về gia đình nuôi tôm, nên đây là nợ chung của bà V và ông H. Sau khi vay tiền thì do làm ăn thất bại, nên bà V và ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, ông H thừa nhận bà V và ông H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, ông H thống nhất cùng với bà V có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 537.178.428 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi bà V và ông H trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Nhưng do làm ăn thất bại nên bà V xin trả dần, khi nào bà V và ông H có tiền thì trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N kiện bị đơn bà Trần Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước H, cùng cư trú tại số G, ấp N, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về nội dung hợp đồng tín dụng:

Vào ngày 07/3/2011 Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V có hợp đồng cho bà Trần Thị V vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 18%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà V nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Vào ngày 07/12/2018 Ngân hàng Nông nghiệp và N Chi nhánh thị xã V có hợp đồng cho bà Trần Thị V vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất 10,5% thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà V nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền bà Trần Thị V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD thì vào ngày 07/12/2018 bà Trần Thị V có trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và chưa trả tiền lãi; đối với hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 thì bà V chưa trả tiền gốc và lãi.

[3] Bà Trần Thị V và ông Trương Phước H cùng xác định số tiền 200.000.000 đồng vay của Ngân hàng N, mục đích để nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình, nên đây là nợ chung của bà V và ông H.

[4] Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N thì Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị V và ông Trương Phước H cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD và hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 bà V thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng trên, bà V và ông H thống nhất cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, nên đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng N không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét về nội dung và hình thức của 02 hợp đồng: bà V là người trực tiếp ký tên vào hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD, ngày 07/3/2011 và hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 ngày 07/12/2018 các hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019 NQ-HĐTP, ngày

11/01/2019; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký kết 02 hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V đã giải ngân cho bà V nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, vì vậy có đủ căn cứ xác định 02 hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

[6] Xét về lỗi: bà V và ông H thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy bà V và ông H là bên có lỗi và đã vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[7] Về yêu cầu hoàn trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD và hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 của Ngân hàng N:

Xét thấy: bà Trần Thị V và ông Trương Phước H là bên vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bên vay tài sản, Ngân hàng N yêu cầu bà V và ông H cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về yêu cầu hoàn trả số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD và hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801268 Ngân hàng Nông nghiệp và N:

Xét thấy: mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng số LAV201100416/HĐTD và hợp đồng tín dụng số D" 7606LAV201801268 phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị V và ông Trương Phước H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi của bên vay tài sản, Ngân hàng N yêu cầu bà V và ông H cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả tiền lãi tính đến ngày 18/9/2024 là 537.178.428 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi bà V và ông H trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019 NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với ý kiến của bà Trần Thị V và ông Trương Phước H xin trả dần số tiền vay gốc và lãi. Xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bà Trần Thị V và ông Trương Phước H cùng liên đới có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.487.137 đồng, nhưng bà V và ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên bà V và ông H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.595.130 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004888 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Trần Thị V và ông Trương Phước H cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 18/9/2024 là 337.178.428 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 537.178.428 đồng (*năm trăm ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 19/9/2024 bà V và ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số " 7606LAV201801268 ngày 07/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà bà V và ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị V và ông Trương Phước H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.595.130 đồng (*mười hai triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn một trăm ba mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004888 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo